

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2025

Từ ngày 04/05/2025 đến ngày 30/05/2025

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 05/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	28,00	145.000	4.060.000	Bữa Tối
	2	Quả su su	Kg	14,00	23.000	322.000	Thịt lợn sào su su
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	14,00	15.000	210.000	Canh rau cải
	4	Hành lá	Kg	0,30	65.000	19.500	
	5	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,50	63.000	31.500	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm tối
	Tổng					6.174.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 05/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	28,00	145.000	4.060.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	19,00	15.000	285.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	4	Gà ta lai (gà sống)	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	5	Gừng	Kg	0,55	40.000	22.000	Canh rau cải
	6	Su su	Kg	19,00	23.000	437.000	Bữa Tối
	7	Hành lá	Kg	1,10	65.000	71.500	Gà rang gừng
	8	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	9	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	10	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	11	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	12	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.744.500	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 05/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	32,00	145.000	4.640.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	22,00	25.000	550.000	Bữa Trưa
	4	Quả bí xanh	Kg	17,30	20.000	346.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Trứng vịt loại to	Quả	882,00	4.500	3.969.000	
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	15.000	300.000	Canh bí xanh
	7	Hành lá	Kg	5,10	65.000	331.500	Bữa Tối
	8	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Trứng rán hành lá
	9	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh rau cải
	10	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	11	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	12	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.744.500	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 05/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	29,00	165.000	4.785.000	Mì tôm
	3	Đỗ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Bữa Trưa
	4	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	Sào thập cẩm Giò nạc lợn + Đỗ quả + Cà rốt
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	15.000	300.000	
	6	Gà ta lai (gà sống)	Kg	46,00	110.000	5.060.000	
	7	Gừng	Kg	0,70	40.000	28.000	Canh rau cải
	8	Quả bí xanh	Kg	19,10	20.000	382.000	
	9	Hành lá	Kg	1,10	65.000	71.500	Bữa Tối
	10	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Gà rang gừng
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh bí xanh
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.744.500	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 05/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	33,00	145.000	4.785.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Đậu phụ	Kg	23,00	25.000	575.000	Bữa trưa
	4	Quả bí đỏ	Kg	18,40	20.000	368.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Chả cá	Kg	32,00	120.000	3.840.000	
	6	Quả cà chua	Kg	5,00	20.000	100.000	Canh bí đỏ
	7	Quả su su	Kg	20,00	23.000	460.000	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,10	65.000	71.500	Chả cá sốt cà chua
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	63.000	189.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.744.500	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 09; 16; 23; 30 Tháng 05/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	32,00	145.000	4.640.000	Mì tôm
	3	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	13,00	10.000	130.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	18,70	15.000	280.500	Thịt lợn kho tàu
	5	Hành lá	Kg	0,30	65.000	19.500	Canh rau cải
	6	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	7	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	8	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	9	Mỳ chính Vedan	Kg	0,22	70.000	15.400	
	10	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						7.644.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 04 NĂM 2025
Chủ Nhật (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 05/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 5/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 21.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: $21.000 \times 294 = 6.174.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 05/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	28,00	145.000	4.060.000	Bữa Tối
	2	Quả su su	Kg	14,00	23.000	322.000	Thịt lợn sào su su
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	14,00	15.000	210.000	Canh rau cải
	4	Hành lá	Kg	0,30	65.000	19.500	
	5	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,50	63.000	31.500	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm tối
Tổng						6.174.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2
Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 04 NĂM 2025

Thứ 2 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 05/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 5/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 2: 46.750 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 2: $46.750 \times 294 = 13.744.500$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 05/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	28,00	145.000	4.060.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	19,00	15.000	285.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Gà ta lai (gà sống)	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	6	Gừng	Kg	0,55	40.000	22.000	Canh rau cải
	7	Su su	Kg	19,00	23.000	437.000	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,10	65.000	71.500	Gà rang gừng
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.744.500	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 04 NĂM 2025

Thứ 3 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 05/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 5/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 3: 46.750 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 3: $46.750 \times 294 = 13.744.500$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 05/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	32,00	145.000	4.640.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	22,00	25.000	550.000	Bữa Trưa
	4	Quả bí xanh	Kg	17,30	20.000	346.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Trứng vịt loại to	Quả	882,00	4.500	3.969.000	
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	15.000	300.000	Canh bí xanh
	7	Hành lá	Kg	5,10	65.000	331.500	Bữa Tối
	8	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Trứng rán hành lá
	9	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh rau cải
	10	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	11	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	12	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.744.500	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 04 NĂM 2025

Thứ 4 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 05/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 5/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 4: 46.750 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 4: $46.750 \times 294 = 13.744.500 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 05/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Giò nạc lợn (giò lựa)	Kg	29,00	165.000	4.785.000	Mì tôm
	3	Đỗ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Bữa Trưa
	4	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	Sào thập cẩm Giò nạc lợn + Đỗ quả + Cà rốt
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,00	15.000	300.000	
	6	Gà ta lai (gà sông)	Kg	46,00	110.000	5.060.000	
	7	Gừng	Kg	0,70	40.000	28.000	Canh rau cải
	8	Quả bí xanh	Kg	19,10	20.000	382.000	Bữa Tối
	9	Hành lá	Kg	1,10	65.000	71.500	
	10	Muôi biên sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Gà rang gừng
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	Canh bí xanh
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	
Tổng						13.744.500	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 04 NĂM 2025

Thứ 5 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 05/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 5/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 5: 46.750 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 5: $46.750 \times 294 = 13.744.500 \text{ đ}$

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 05/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mỡ, vai, ba chỉ	Kg	33,00	145.000	4.785.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Đậu phụ	Kg	23,00	25.000	575.000	Bữa trưa
	4	Quả bí đỏ	Kg	18,40	20.000	368.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Chả cá	Kg	32,00	120.000	3.840.000	
	6	Quả cà chua	Kg	5,00	20.000	100.000	Canh bí đỏ
	7	Quả su su	Kg	20,00	23.000	460.000	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,10	65.000	71.500	Chả cá sốt cà chua
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	63.000	189.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.744.500	

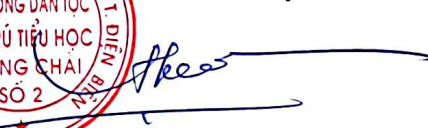
Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 04 NĂM 2025

Thứ 6 (Ngày 09; 16; 23; 30 Tháng 05/2025)

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ II năm học 2024-2025)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 5/2025: $294 \times 40\% \times 2.340.000 = 275.184.000 \text{ đ}$

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2025: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa trưa của ngày Thứ 6: 26.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho bữa trưa của ngày Thứ 6: $26.000 \times 294 = 7.644.000 \text{ đ}$

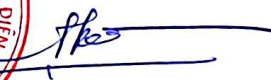
Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 09; 16; 23; 30 Tháng 05/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mỡ, vai, ba chỉ	Kg	32,00	145.000	4.640.000	Mì tôm
	3	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	13,00	10.000	130.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	18,70	15.000	280.500	Thịt lợn kho tàu
	5	Hành lá	Kg	0,30	65.000	19.500	Canh rau cải
	6	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	7	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	8	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	9	Mỳ chính Vedan	Kg	0,22	70.000	15.400	
	10	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau bữa cơm trưa
	Tổng					7.644.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Đức Thiện

PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PHÓ THÔNG DÂN TỘC
BÁN TRÚ TIỂU HỌC
CHUNG CHẢI
SỐ 2

Trịnh Văn Lập